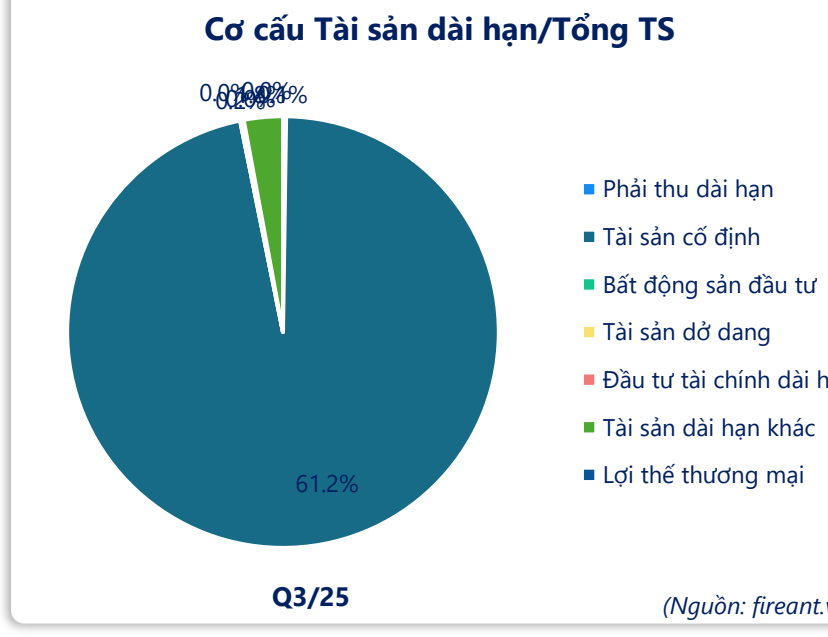
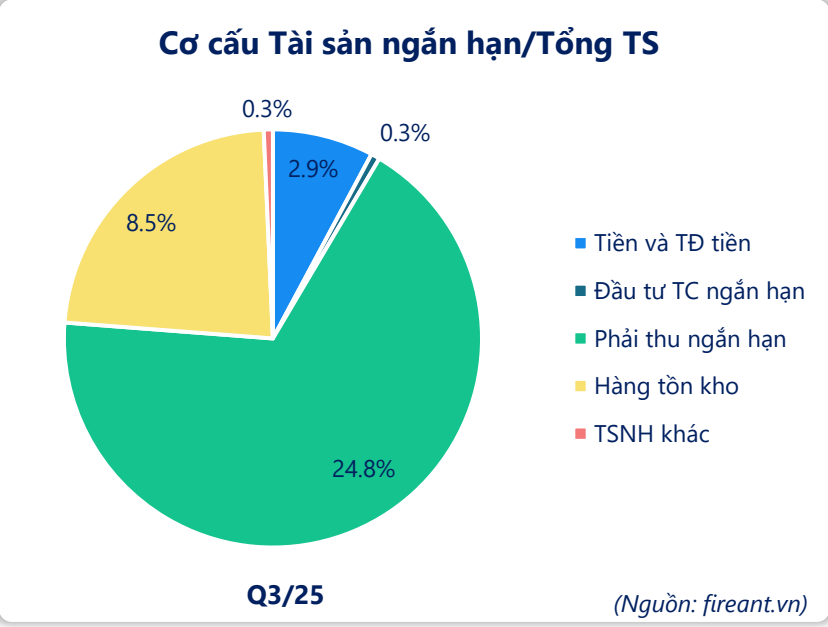
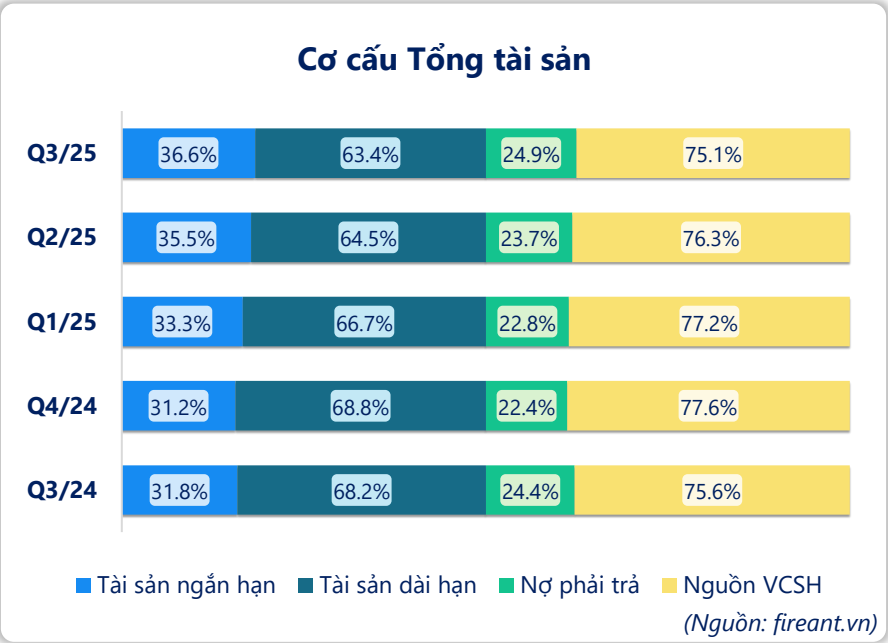
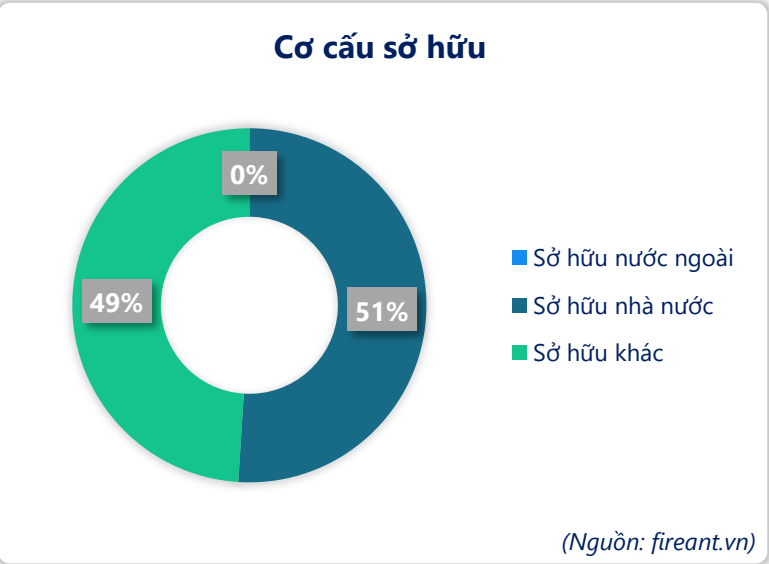
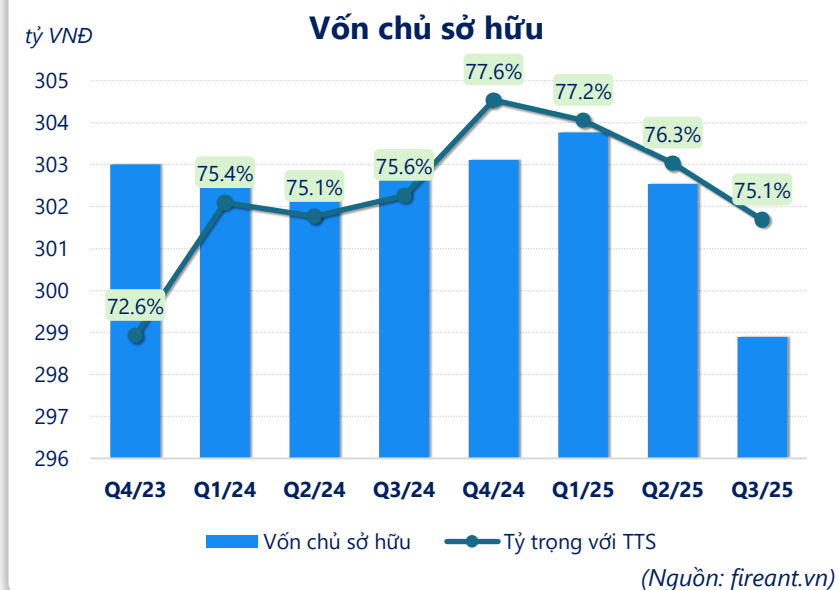
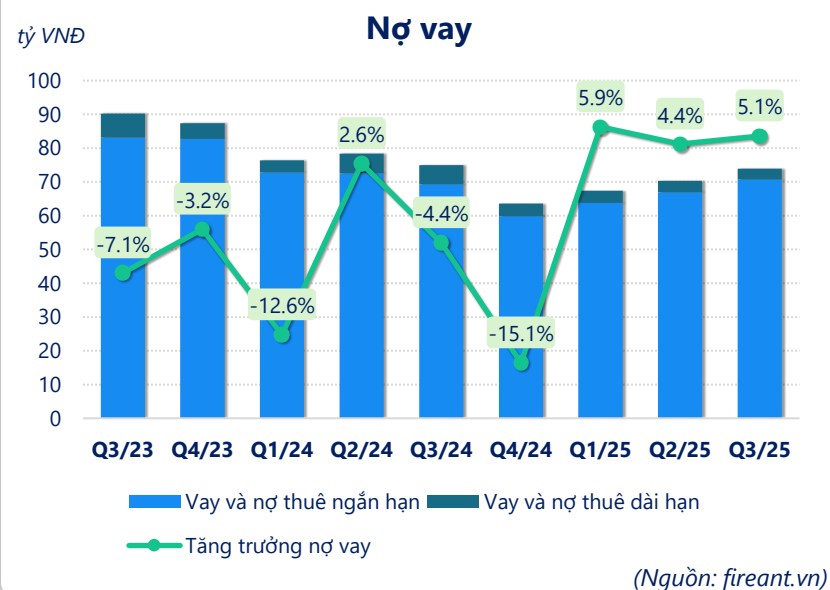
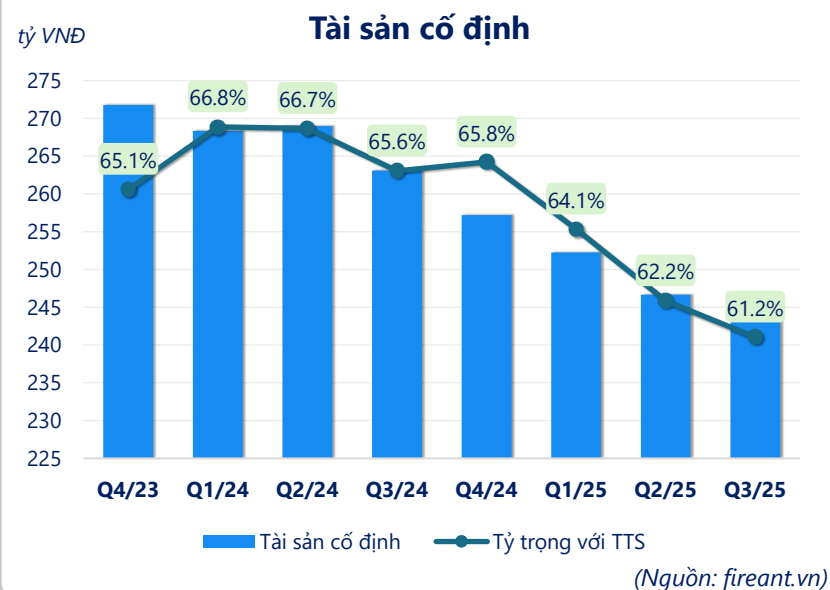
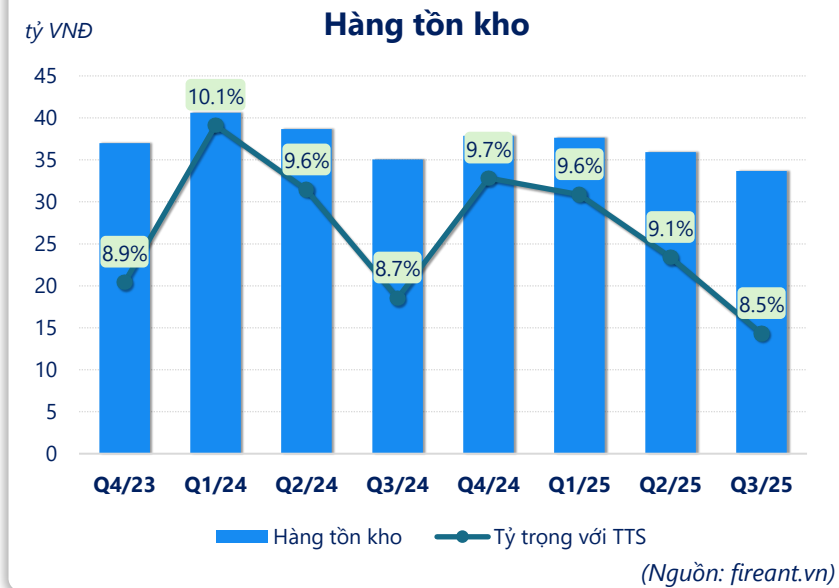
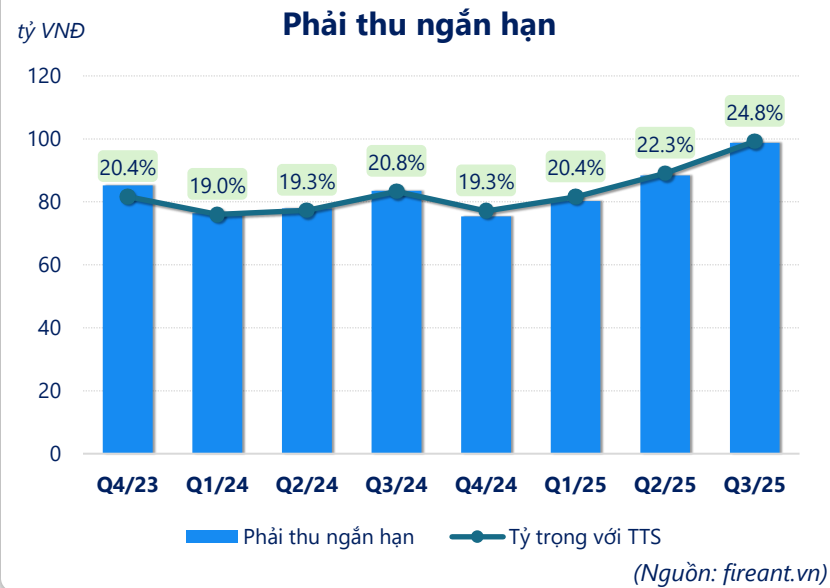
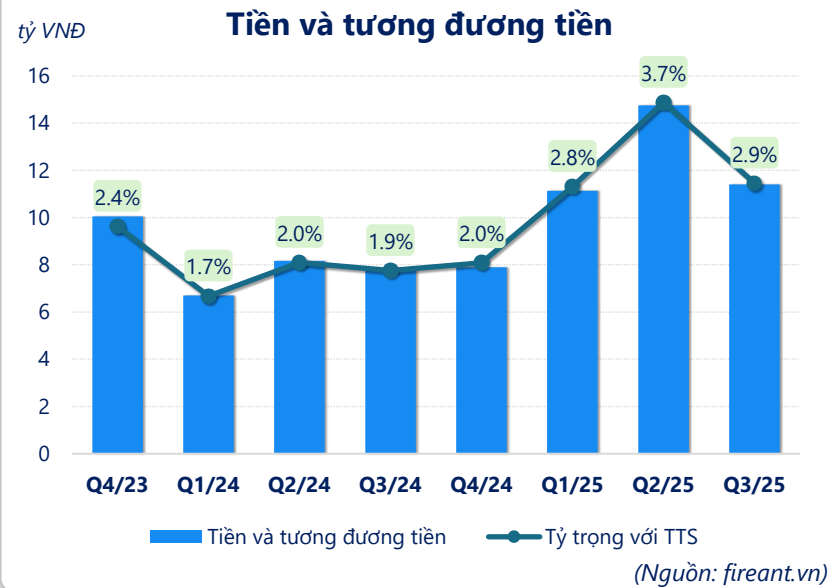
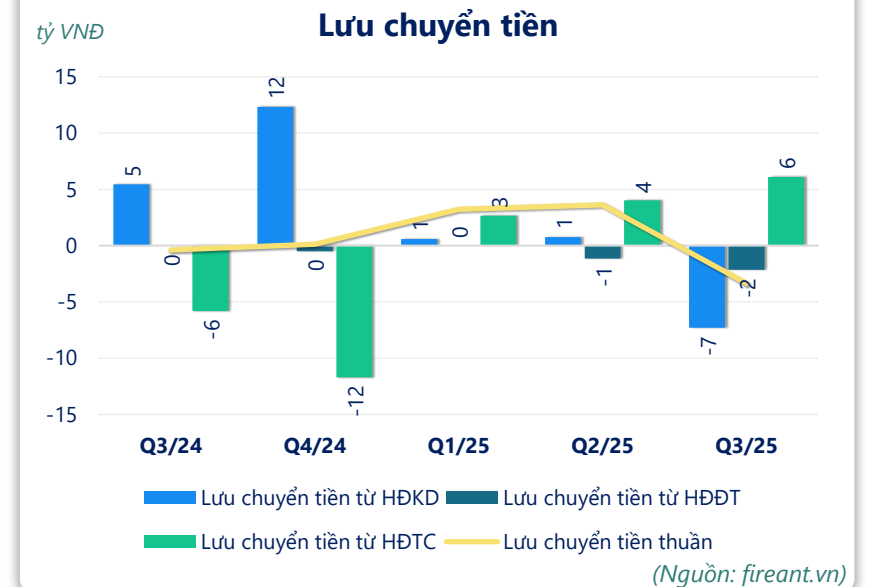
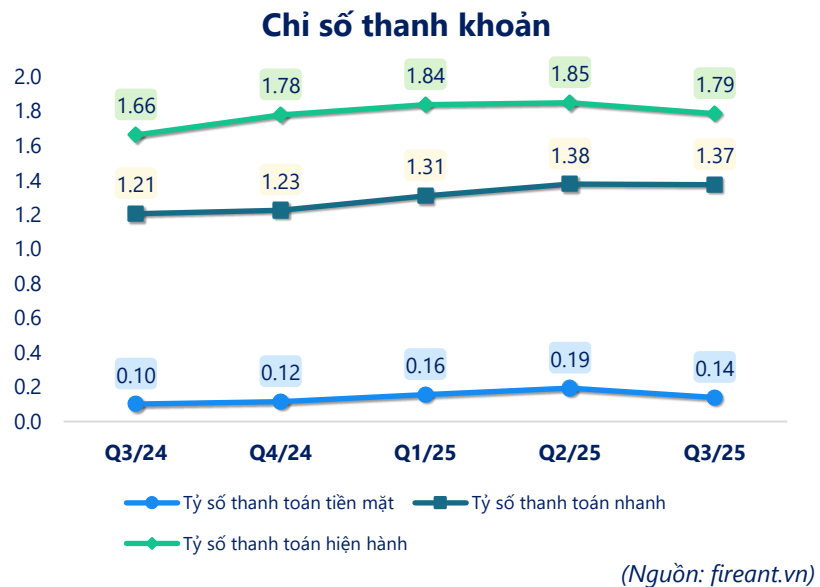
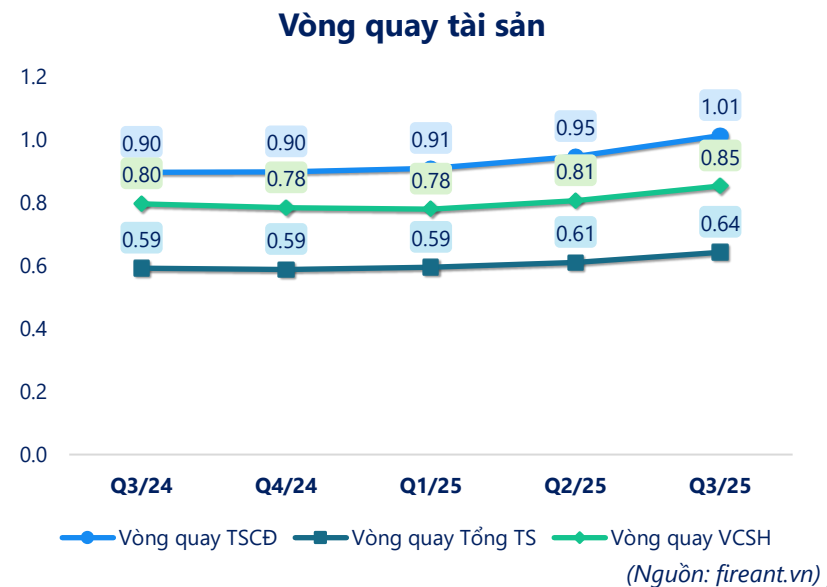
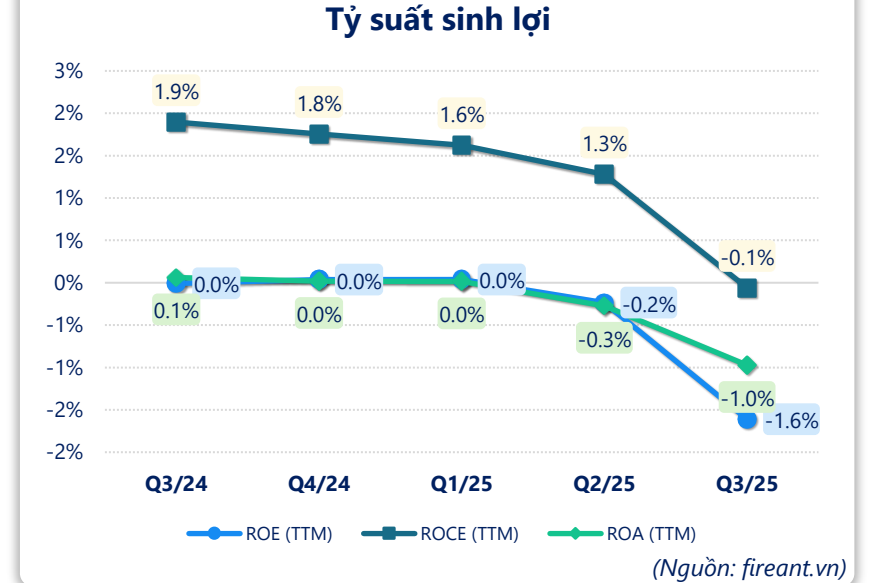
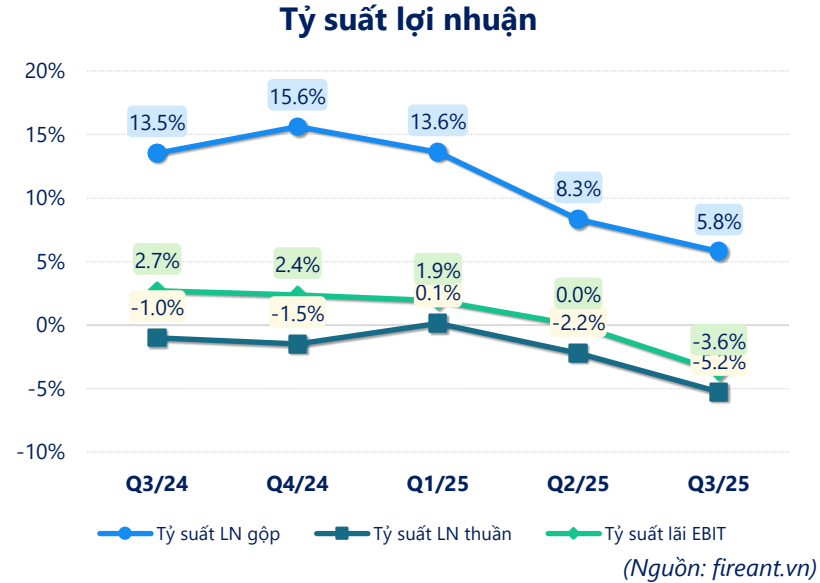
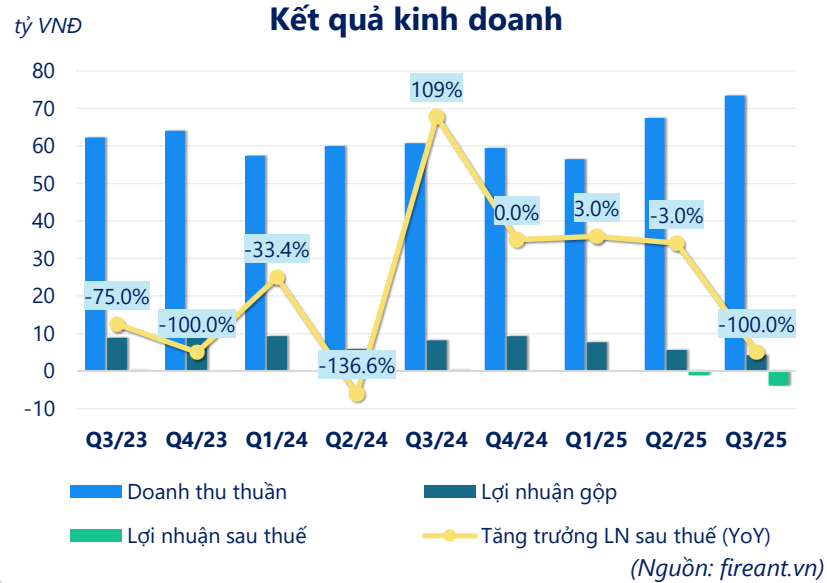


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,400
SL cổ phiếu LH		29,350,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		475
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		217
P/E		-44.8
EPS		-165

	YTD	1T	3T	6T
SVG	51.0%	12.1%	17.5%	37.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	398	391	1.8%
Tài sản ngắn hạn	146	122	19.3%
Tiền và tương đương tiền	11.4	7.90	44.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	0	
Phải thu ngắn hạn	98.8	75.7	30.4%
Hàng tồn kho	33.7	37.8	-11.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.03	0.80	27.9%
Tài sản dài hạn	252	269	-6.1%
Phải thu dài hạn	0.58	0.78	-25.4%
Tài sản cố định	244	257	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.68	0.87	-21.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.36	9.92	-25.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	99.4	87.4	13.7%
Nợ ngắn hạn	81.7	68.2	19.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.7	59.4	19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.47	5.10	65.9%
Nợ dài hạn	17.7	19.2	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.21	4.27	-24.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	299	304	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	299	304	-1.6%
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	60.7	59.5	56.4	67.4	73.5
Giá vốn hàng bán	52.5	50.2	48.7	61.8	69.2
Lợi nhuận gộp	8.21	9.28	7.67	5.61	4.26
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.00	0.01	0.00
Chi phí TC	1.33	1.26	1.01	1.10	1.21
Chi phí lãi vay	1.33	1.26	1.01	1.10	1.21
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.31	2.60	1.82	2.29	2.58
Chi phí QLDN	5.20	6.32	4.77	3.72	4.33
LN thuần từ HĐKD	-0.61	-0.88	0.08	-1.49	-3.86
Lợi nhuận khác	0.93	1.03	0.00	0.38	-0.03
LN trước thuế	0.31	0.15	0.07	-1.11	-3.89
Lợi nhuận sau thuế	0.25	0.08	0.06	-1.09	-3.89
LNST của CĐ cty mẹ	0.25	0.08	0.06	-1.09	-3.89

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.43	12.3	0.57	0.76	-7.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.01	-0.50	0	-1.15	-2.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.81	-11.7	2.67	4.02	6.10
Tiền đầu kỳ	8.16	7.77	7.90	11.1	14.8
Lưu chuyển tiền thuần	-0.39	0.12	3.24	3.62	-3.35
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.77	7.90	11.1	14.8	11.4

(Nguồn: fireant.vn)